

**UBND HUYỆN ĐIỆN BIÊN**  
**TRƯỜNG MẦM NON SỐ 2 XÃ THANH YÊN**

**THÔNG BÁO**

**Công khai thông tin về kết quả thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ,  
năm học 2023-2024**

| STT | Nội dung                                                  | Tổng số trẻ em | Nhà trẻ         |                   |                  | Mẫu giáo |          |          |
|-----|-----------------------------------------------------------|----------------|-----------------|-------------------|------------------|----------|----------|----------|
|     |                                                           |                | 3-12 tháng tuổi | 13 -24 tháng tuổi | 25-36 tháng tuổi | 3-4 tuổi | 4-5 tuổi | 5-6 tuổi |
| I   | Tổng số trẻ em                                            | 241            |                 | 0                 | 64               | 57       | 50       | 70       |
| 1   | Số trẻ em nhóm ghép                                       |                |                 |                   |                  |          |          |          |
| 2   | Số trẻ em học 1 buổi/ngày                                 |                |                 |                   |                  |          |          |          |
| 3   | Số trẻ em học 2 buổi/ngày                                 | 241            |                 | 0                 | 64               | 57       | 50       | 70       |
| 4   | Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập                         |                |                 |                   |                  |          |          |          |
| II  | Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú                         | 241            |                 | 0                 | 64               | 57       | 50       | 70       |
| III | Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe                  | 241            |                 | 0                 | 64               | 57       | 50       | 70       |
| IV  | Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng | 241            |                 | 0                 | 64               | 57       | 50       | 70       |
| V   | Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em                    |                |                 |                   |                  |          |          |          |
| 1   | <i>Số trẻ cân nặng bình thường</i>                        | 239            |                 |                   | 64               | 57       | 49       | 69       |

| STT  | Nội dung                                         | Tổng số trẻ em                       | Nhà trẻ         |                   |                  | Mẫu giáo |          |          |
|------|--------------------------------------------------|--------------------------------------|-----------------|-------------------|------------------|----------|----------|----------|
|      |                                                  |                                      | 3-12 tháng tuổi | 13 -24 tháng tuổi | 25-36 tháng tuổi | 3-4 tuổi | 4-5 tuổi | 5-6 tuổi |
| 2    | Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân                | 2                                    |                 |                   | 0                | 0        | 1        | 1        |
| 3    | Số trẻ có chiều cao bình thường                  | 236                                  |                 |                   | 63               | 55       | 49       | 69       |
| 4    | Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi               | 5                                    |                 |                   | 1                | 2        | 1        | 1        |
| 5    | Số trẻ thừa cân béo phì                          |                                      |                 |                   | 0                | 0        | 0        | 0        |
| VI   | Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục | 241                                  |                 | 0                 | 64               | 57       | 50       | 70       |
| 1    | Chương trình giáo dục nhà trẻ                    | 64                                   |                 |                   | 64               |          |          |          |
| 2    | Chương trình giáo dục mẫu giáo                   | 152                                  |                 |                   |                  | 57       | 50       | 70       |
| VII  | Kết quả thực hiện Phổ cập giáo dục mầm non       | Duy trì đạt chuẩn PCGDMNTNT năm 2023 |                 |                   |                  |          |          |          |
| VIII | Số trẻ em khuyết tật                             | 0                                    |                 |                   |                  | 0        |          |          |

Thanh Yên, ngày 06 tháng 9 năm 2024



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Phương Lan